SAO Y; Tỉnh Lạng Sơn; 02/01/2024 15:07:36 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 49 /2023/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2023*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật đo lường;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô (sau đây viết tắt là Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm c khoản 2 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 như sau:

"a) Cơ sở thiết kế lập hồ sơ thiết kế và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Cơ quan QLCL.

Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: nộp 01 bộ hồ sơ thiết kế dạng điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính: ngoài nộp 01 bộ hồ sơ thiết kế theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này, cơ sở thiết kế nộp thêm 01 bản tài liệu (02 bản tài liệu nếu cơ sở thiết kế khác cơ sở sản xuất) quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này."

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 5 như sau:

"c) Cơ quan QLCL kiểm tra đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế ô tô với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế, nếu hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ thiết kế ô tô đầy đủ nhưng có các nội dung chưa đạt yêu cầu thì Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản hoặc thông báo thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến lý do và nội dung chưa đạt yêu cầu để Cơ sở thiết kế hoàn thiện hồ sơ thiết kế. Cơ sở thiết kế có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ thiết kế và nộp lại trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và gửi lại cho Cơ quan QLCL. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện đầy đủ, Cơ quan QLCL kiểm tra đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế ô tô với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế, nếu hồ

sơ thiết kế đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; nếu hồ sơ thiết kế không đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và nêu rõ lý do. Quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, cơ sở thiết kế không hoàn thiện các nội dung chưa phù phù hợp của hồ sơ thiết kế, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc thẩm định hồ sơ thiết kế và thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Để tiếp tục thực hiện việc thẩm định hồ sơ thiết kế ô tô, cơ sở thiết kế phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu;".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 7 như sau:

"đ) Bản thống kê các tổng thành, hệ thống sản xuất trong nước và nhập khẩu dùng để sản xuất, lắp ráp ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và kèm theo một trong các tài liệu tương ứng đối với từng linh kiện (trừ động cơ) thuộc đối tượng phải kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận theo quy định như sau: Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại linh kiện (còn hiệu lực) được cấp bởi Cơ quan QLCL; Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện nhập khẩu còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định 60/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ quy định về việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu và linh kiện nhập khẩu theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (sau đây gọi là Thông báo miễn kiểm tra linh kiện theo Nghị định 60/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023); bản sao văn bản xác nhận của nhà sản xuất linh kiện nước ngoài kèm theo các tài liệu kết quả chứng nhận sự phù hợp về chất lượng của các kiểu loại linh kiện nhập khẩu theo quy định tại các thỏa thuận từ các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận xe cơ giới; bản sao văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp tại Việt Nam của nhà sản xuất linh kiện nước ngoài kèm theo bản sao Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường kiểu loại linh kiện (còn hiệu lực) được cấp bởi Cơ quan QLCL.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 9 như sau:

"c) Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả COP đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm d khoản này. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan QLCL thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP, Cơ quan QLCL thông báo tới doanh nghiệp để thực hiện đánh giá COP theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện nội dung hồ sơ chưa phù hợp (bao gồm cả việc thực hiện đánh giá COP đối với trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP) và gửi lại cho Cơ quan QLCL. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện đầy đủ và kết quả đánh giá COP, Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và kết quả COP đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm d khoản này; nếu có nội dung không phù hợp, Cơ quan QLCL thông báo cho doanh nghiệp về việc không cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do. Trường hợp quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp không hoàn thiện các nội dung chưa phù hợp đã thông báo, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP và thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận. Để tiếp tục thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Cơ sở sản xuất phải đảm bảo và chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng và thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật. Các sản phẩm chỉ được xuất xưởng, cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe ô tô khi Giấy chứng nhận của kiểu loại sản phẩm còn hiệu lực và khi linh kiện thuộc đối tượng phải kiểm tra thử nghiệm và chứng nhận theo định quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này đáp ứng một trong yêu cầu sau:

a) Giấy chứng nhận của linh kiện còn hiệu lực;

b) Thông báo miễn kiểm tra linh kiện theo Nghị định 60/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 còn hiệu lực.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới (sau đây viết tắt là Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT), Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới (sau đây viết tắt là Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT) và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 Điều 5 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT như sau:

"d) Thời hạn giải quyết: Thẩm định nội dung thiết kế được thực hiện trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ thành phần hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ thiết kế có kết quả thẩm định đạt yêu cầu (hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu), Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu.

Trường hợp hồ sơ thiết kế đầy đủ nhưng có các nội dung chưa đạt yêu cầu thì Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản hoặc thông báo thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến lý do và nội dung chưa đạt yêu cầu để Cơ sở thiết kế hoàn thiện hồ sơ thiết kế. Cơ sở thiết kế có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ thiết kế và nộp lại trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và gửi lại cho Cơ quan QLCL. Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện đầy đủ, Cơ quan QLCL kiểm tra, đánh giá lại hồ sơ thiết kế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế, nếu hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; nếu hồ sơ thiết kế không đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và nêu rõ lý do. Quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, cơ sở thiết kế không hoàn thiện các nội dung chưa phù phù hợp của hồ sơ thiết kế, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc thẩm định hồ sơ thiết kế và thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Để tiếp tục thực hiện việc thẩm định hồ sơ thiết kế, cơ sở thiết kế phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu;".

2. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT.

3. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 3 của điểm a khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT như sau:

"- Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả COP đạt yêu cầu, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm d khoản này. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo để doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo

tới doanh nghiệp để thực hiện đánh giá COP theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện nội dung hồ sơ chưa phù hợp (bao gồm cả việc thực hiện đánh giá COP đối với trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP) và gửi lại cho Cục Đăng kiểm Việt Nam. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện đầy đủ và kết quả đánh giá COP, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và có kết quả COP đạt yêu cầu, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm d khoản này; nếu có nội dung không phù hợp, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo cho doanh nghiệp về việc không cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do. Trường hợp quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp không hoàn thiện các nội dung chưa phù hợp đã thông báo, Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ dừng việc kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP và thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận. Để tiếp tục thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.”.

4. Thay thế Phụ lục IV, Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 1 Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT) tương ứng bằng các Phụ lục 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thay thế Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT tương ứng bằng Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Điều của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy (sau đây viết tắt là Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT), Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT) và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT)

1. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT như sau:

"3. Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục VIIa và VIIb ban hành kèm theo Thông tư này. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan QLCL thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP, Cơ quan QLCL thông báo tới doanh nghiệp để thực hiện đánh giá COP theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện nội dung hồ sơ chưa phù hợp (bao gồm cả việc thực hiện đánh giá COP đối với trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP) và gửi lại cho Cơ quan QLCL. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện đầy đủ và kết quả đánh giá COP, Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục VIIa và VIIb ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu; nếu có nội dung không phù hợp thì Cơ quan QLCL thông báo cho doanh nghiệp về việc không cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do. Trường hợp quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp không hoàn thiện các nội dung chưa phù hợp đã thông báo, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP và thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận. Để tiếp tục thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.".

3. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 2 thuộc điểm a khoản 3 Điều 8, khoản 7 Điều 8 và bổ sung khoản 8 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 2 thuộc điểm a khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

"- Cơ sở sản xuất có một trong các lỗi vi phạm nêu tại khoản 4 Điều 10 Thông tư này hoặc trường hợp không được Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất được áp dụng hình thức tự kiểm tra xuất xưởng theo quy định tại điểm c khoản này hoặc vẫn có các vi phạm, không tuân thủ quy định tại Thông tư này trong đợt giám sát.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“7. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm lập và cấp cho từng xe xuất xưởng 01 hồ sơ, bao gồm:

a) Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt trong đó có thể hiện thông số kỹ thuật cơ bản của xe và hướng dẫn sử dụng xe;

c) Sổ bảo hành hoặc phiếu bảo hành sản phẩm bằng tiếng Việt trong đó ghi rõ điều kiện bảo hành và tên, địa chỉ các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng.”.

c) Bổ sung khoản 8 Điều 8 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“8. Số khung, số động cơ:

a) Cơ sở sản xuất không sử dụng khung xe, động cơ có số khung, số động cơ bị tẩy xoá, đục sửa, đóng lại, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này để sản xuất, lắp ráp thành xe;

b) Số khung hoặc số động cơ đóng trong nước nhưng bị sai do thao tác của nhân viên hoặc bị mờ, khó đọc thì Cơ sở sản xuất phải giữ nguyên trạng số đã đóng và thông báo bằng văn bản tới Cơ quan QLCL. Cơ quan QLCL kiểm tra nếu không có dấu hiệu vi phạm nêu tại điểm a khoản này thì thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất thực hiện việc đóng lại số khung hoặc số động cơ, nếu có vi phạm sẽ thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở sản xuất không được sử dụng khung hoặc động cơ có số bị tẩy xoá, đục sửa, đóng lại để sản xuất, lắp ráp thành xe.”.

4. Bổ sung điểm d, điểm đ và điểm e khoản 3, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 10 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

a) Bổ sung điểm d, điểm đ và điểm e khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“d) Cơ sở sản xuất giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

đ) Cơ sở sản xuất giả mạo các tài liệu, khai báo không đúng các thông tin về thông số kỹ thuật, tính năng của kiểu loại sản phẩm, thông tin về nhà sản xuất, nước sản xuất trong hồ sơ đăng ký chứng nhận ảnh hưởng đến kết quả đã thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại sản phẩm.

e) Kiểu loại sản phẩm bị tạm dừng xuất xưởng quá 06 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều này mà Cơ sở sản xuất vẫn không khắc phục được lỗi vi phạm.”.

b) Bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 10 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“4. Tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm

Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng sản phẩm và tạm dừng cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho xe (tạm dừng xuất xưởng) đối với kiểu loại sản phẩm thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi: không duy trì việc đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định; không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy trình và hướng dẫn kiểm tra chất lượng của cơ sở sản xuất đã ban hành; quản lý và sử dụng Phiếu xuất xưởng không đúng quy định; không lập đầy đủ hồ sơ xuất xưởng cho sản phẩm; không phối hợp trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đột xuất, xác minh lỗi của sản phẩm;

b) Sản phẩm xuất xưởng không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng và mẫu điển hình của kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận;

c) Vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền;

d) Vi phạm quy định liên quan đến số khung, số động cơ nêu tại khoản 8 Điều 8 của Thông tư này.

5. Trong thời hạn bị tạm dừng xuất xưởng theo quy định tại khoản 4 Điều này, Cơ sở sản xuất không được thực hiện xuất xưởng, cấp phiếu kiểm tra chất lượng cho sản phẩm của kiểu loại đang bị tạm dừng để đưa ra thị trường, phải thực hiện khắc phục các lỗi vi phạm trong thời gian tối đa 06 tháng kể từ ngày Cơ quan QLCL thông báo yêu cầu tạm dừng xuất xưởng. Cơ quan QLCL sẽ xem xét, kiểm tra sau khi Cơ sở sản xuất thông báo về việc đã khắc phục các lỗi vi phạm; nếu các lỗi vi phạm đã được khắc phục thì Cơ quan QLCL hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng và thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất; nếu quá thời gian quy định nêu trên mà Cơ sở sản xuất vẫn chưa khắc phục được các lỗi vi phạm thì Giấy chứng nhận đã cấp cho kiểu loại sản phẩm sẽ không còn giá trị theo quy định tại khoản 3 Điều này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 15 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

“4. Tổ chức kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất đối với việc thực hiện đảm bảo chất lượng, sử dụng phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của Cơ sở sản xuất.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 của Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT như sau:

"3. Phối hợp với Cơ quan QLCL trong quá trình kiểm tra, đánh giá liên quan đến chất lượng sản phẩm, việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và quản lý, sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.".

7. Thay thế Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT tương ứng bằng Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông đường bộ (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT), Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT) và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT)

1. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT như sau:

"3. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục VIIa và VIIb ban hành kèm theo Thông tư này. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo tới doanh nghiệp để thực hiện đánh giá COP theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện nội dung hồ sơ chưa phù hợp (bao gồm cả việc thực hiện đánh giá COP đối với trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP) và gửi lại cho Cục Đăng kiểm Việt Nam. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện đầy đủ và kết quả đánh giá COP, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục VIIa và VIIb ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm

tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu; nếu có nội dung không phù hợp, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo cho doanh nghiệp về việc không cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do. Trường hợp quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp không hoàn thiện các nội dung chưa phù hợp đã thông báo, Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ dừng việc kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP và thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận. Để tiếp tục thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 21 của Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT như sau:

"3. Thực hiện việc triệu hồi sản phẩm theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện (sau đây viết tắt là Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT), Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng, Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy và Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện (sau đây viết tắt là Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT), Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT) và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT)

1. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT đã được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT như sau:

"b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký chứng nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và hướng dẫn để Cơ sở sản xuất hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần, Cơ quan QLCL tiếp nhận hồ sơ để thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ.

c) Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục IIIa ban hành kèm theo Thông tư này. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan QLCL thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP, Cơ quan QLCL thông báo tới doanh nghiệp để thực hiện đánh giá COP theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện nội dung hồ sơ chưa phù hợp (bao gồm cả việc thực hiện đánh giá COP đối với trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP) và gửi lại cho Cơ quan QLCL. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện đầy đủ và kết quả đánh giá COP, Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục IIIa ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu; nếu có nội dung không phù hợp, Cơ quan QLCL thông báo cho doanh nghiệp về việc không cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do. Trường hợp quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp không hoàn thiện các nội dung chưa phù hợp đã thông báo, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP và thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận. Để tiếp tục thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 5 của Thông tư

16/2022/TT-BGTVT và bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 5 của Thông tư 16/2022/TT-BGTVT như sau:

"c) Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra và xem xét kết quả thử nghiệm Xe theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra và bổ sung đầy đủ tài liệu theo quy định, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục IIIb ban hành kèm theo Thông tư này nếu kết quả kiểm tra, thử nghiệm đạt yêu cầu; cấp Thông báo không đạt chất lượng nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục IIIc kèm theo Thông tư này nếu kết quả kiểm tra, thử nghiệm không đạt yêu cầu.".

b) Bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

"đ) Trường hợp các xe nhập khẩu bị hư hại trong quá trình vận chuyển từ nước ngoài về Việt Nam thì cơ sở nhập khẩu được phép khắc phục các hạng mục như sau: lớp sơn bị trầy xước hoặc ô xi hóa cục bộ nhưng không bị mọt, thủng; gương chiếu hậu nứt, vỡ; hệ thống đèn chiếu sáng, tín hiệu: bị nứt, vỡ; các rơ le điều khiển bị thiếu; ắc quy không hoạt động.".

4. Bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

"đ) Các xe đã được kiểm tra xuất xưởng và dán tem hợp quy khi đưa ra thị trường phải được cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng (trong đó có thể hiện thông số kỹ thuật cơ bản của xe và hướng dẫn sử dụng xe), Phiếu bảo hành sản phẩm (ghi rõ điều kiện và địa chỉ các cơ sở bảo hành).".

5. Bổ sung điểm d, điểm đ và điểm e khoản 3 Điều 11 và bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 11 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

a) Bổ sung điểm d, điểm đ và điểm e khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

"d) Cơ sở sản xuất giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

đ) Cơ sở sản xuất giả mạo các tài liệu, khai báo không đúng các thông tin về thông số kỹ thuật, tính năng của kiểu xe trong hồ sơ đăng ký chứng nhận ảnh hưởng đến kết quả đã thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại xe.

e) Kiểu loại sản phẩm bị tạm dừng xuất xưởng quá 06 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều này mà Cơ sở sản xuất vẫn không khắc phục được lỗi vi phạm.".

b) Bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 11 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

“4. Tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm

Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng sản phẩm và tạm dừng cấp tem hợp quy (tạm dừng xuất xưởng) đối với kiểu loại sản phẩm thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi: không duy trì việc đảm bảo chất lượng theo quy định; không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy trình và hướng dẫn kiểm tra chất lượng của cơ sở sản xuất đã ban hành; quản lý và sử dụng tem hợp quy không đúng quy định; không lập đầy đủ hồ sơ xuất xưởng cho xe theo quy định; không phối hợp trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đột xuất, xác minh lỗi của sản phẩm;

b) Xe xuất xưởng không đạt quy chuẩn kỹ thuật, không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng và mẫu điển hình của kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận;

c) Vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

5. Trong thời hạn bị tạm dừng xuất xưởng theo quy định tại khoản 4 Điều này, Cơ sở sản xuất không được thực hiện xuất xưởng và cấp tem hợp quy cho xe của kiểu loại đang bị tạm dừng để đưa ra thị trường, phải thực hiện khắc phục các lỗi vi phạm trong thời gian tối đa 06 tháng kể từ ngày Cơ quan QLCL thông báo yêu cầu tạm dừng xuất xưởng. Cơ quan QLCL sẽ xem xét, kiểm tra sau khi Cơ sở sản xuất thông báo về việc đã khắc phục các lỗi vi phạm; nếu các lỗi vi phạm đã được khắc phục thì Cơ quan QLCL hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng và thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất; nếu quá thời gian quy định nêu trên mà Cơ sở sản xuất vẫn chưa khắc phục được các lỗi vi phạm thì Giấy chứng nhận đã cấp cho kiểu loại sản phẩm sẽ không còn giá trị theo quy định tại khoản 3 Điều này.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT như sau:

“4. Thực hiện việc triệu hồi đối với xe sản xuất, lắp ráp theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô hoặc thực hiện việc triệu hồi đối với xe nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.”.

7. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế (sau đây viết tắt là Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT), Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT) và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

"2. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký chứng nhận và xử lý như sau:

a) Nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ được tiếp nhận đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và hướng dẫn để doanh nghiệp hoàn thiện;

b) Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ để thực hiện kiểm tra, đánh giá nội dung hồ sơ theo quy định."

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

"3. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc.

a) Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo tới doanh nghiệp để thực hiện đánh giá COP theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện nội dung hồ sơ chưa phù hợp (bao gồm cả việc thực hiện đánh giá COP đối với trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP) và gửi lại cho Cục Đăng kiểm

Việt Nam. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện đầy đủ và kết quả đánh giá COP, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm b khoản này; nếu có nội dung không phù hợp, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo cho doanh nghiệp về việc không cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do. Trường hợp quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp không hoàn thiện các nội dung chưa phù hợp đã thông báo, Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ dừng việc kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP và thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận. Để tiếp tục thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.

b) Nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục IVa ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu.”.

2. Sửa đổi khoản 6 Điều 8 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“6. Cục Đăng kiểm Việt Nam có thể tiến hành kiểm tra đột xuất. Trường hợp kết quả kiểm tra cho thấy Cơ sở sản xuất vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này thì sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận hoặc vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 9 của Thông tư này thì thực hiện yêu cầu tạm dừng xuất xưởng xe.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 9; bổ sung điểm d, điểm đ và điểm e khoản 3 Điều 9 và bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“b) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong quy định: sử dụng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho Xe chưa được cấp Giấy chứng nhận; vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền;”.

b) Bổ sung điểm d, điểm đ và điểm e khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“d) Cơ sở sản xuất giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

đ) Cơ sở sản xuất giả mạo các tài liệu, khai báo không đúng các thông tin về thông số kỹ thuật, tính năng của kiểu loại xe trong hồ sơ đăng ký chứng nhận ảnh hưởng đến kết quả đã thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại xe.

e) Kiểu loại sản phẩm bị tạm dừng xuất xưởng quá 06 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều này mà Cơ sở sản xuất vẫn không khắc phục được lỗi vi phạm.”.

c) Bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“4. Tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm

Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng sản phẩm và tạm dừng cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho xe (tạm dừng xuất xưởng) đối với kiểu loại sản phẩm thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi: không duy trì việc đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định; không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy trình và hướng dẫn kiểm tra chất lượng của cơ sở sản xuất đã ban hành; quản lý và sử dụng Phiếu xuất xưởng không đúng quy định; không lập đầy đủ hồ sơ xuất xưởng cho sản phẩm theo quy định; không phối hợp trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đột xuất, xác minh lỗi của sản phẩm;

b) Xe xuất xưởng không đạt quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư này, không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận xe và mẫu điển hình của kiểu loại xe đã được cấp Giấy chứng nhận.

5. Trong thời hạn bị tạm dừng xuất xưởng theo quy định tại khoản 4 Điều này, Cơ sở sản xuất không được thực hiện xuất xưởng, cấp phiếu kiểm tra chất lượng cho sản phẩm của kiểu loại đang bị tạm dừng để đưa ra thị trường, phải thực hiện khắc phục các lỗi vi phạm trong thời gian tối đa 06 tháng kể từ ngày Cơ quan QLCL thông báo yêu cầu tạm dừng xuất xưởng. Cơ quan QLCL sẽ xem xét, kiểm tra sau khi Cơ sở sản xuất thông báo về việc đã khắc phục các lỗi vi phạm; nếu các lỗi vi phạm đã được khắc phục thì Cơ quan QLCL hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng và thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất; nếu quá thời gian quy định nêu trên mà Cơ sở sản xuất vẫn chưa khắc phục được các lỗi vi phạm thì Giấy chứng nhận đã cấp cho kiểu loại sản phẩm sẽ không còn giá trị, bị thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều này.”.

4. Bổ sung điểm c khoản 3 Điều 12 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“c) Trường hợp xe có số khung hoặc số động cơ bị tẩy xóa, đục sửa, đóng lại thì Cục Đăng kiểm Việt Nam dừng các thủ tục kiểm tra, chứng nhận chất lượng ATKT&BVM xe chở người bốn bánh có gắn động cơ nhập khẩu; lập biên bản ghi nhận về tình trạng xe vi phạm quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này; đồng thời gửi văn bản đến Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an để đề nghị kiểm tra, xác định tình

trạng số khung hoặc số động cơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản của kết luận vi phạm của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, nếu xe có vi phạm thì Cục Đăng kiểm Việt Nam ra Thông báo vi phạm Nghị định số 69/2018/NĐ-CP theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này để người nhập khẩu và cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu giải quyết theo quy định; nếu kết luận là xe không vi phạm và kết quả kiểm tra xe đạt yêu cầu thì Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc cấp Thông báo không đạt theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT như sau:

“3. Thực hiện việc triệu hồi đối với xe sản xuất, lắp ráp theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô hoặc thực hiện việc triệu hồi đối với xe nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.”.

6. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT.

7. Bổ sung Phụ lục XI và Phụ lục XII vào Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT tương ứng bằng Phụ lục 5 và Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng (sau đây viết tắt là Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT), Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT) và Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng và Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư 23/2020/TT-BGTVT như sau:

"1. *Xe máy chuyên dùng* (sau đây viết tắt là xe) gồm các loại xe được nêu trong Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7772:2007 "Xe, máy và thiết bị thi công di động - phân loại" và các loại xe được nêu tại mục C của Phụ lục I và mục D Phụ lục II của Thông tư số 12/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quảjn lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

"a) Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận, Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận vào Bản đăng ký kiểm tra chất lượng ATKT & BVMT. Người nhập khẩu phải đưa Xe đến địa điểm đăng ký kiểm tra thực tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản.

Quá 15 ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản mà Người nhập khẩu không đưa Xe đến để kiểm tra thực tế (trừ trường hợp bất khả kháng) thì Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ từ chối tiếp nhận các Hồ sơ tiếp theo cho đến khi Người nhập khẩu đưa Xe đến để kiểm tra thực tế.".

3. Bãi bỏ khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 và điểm đ khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

"d) Trường hợp các xe được phép nhập khẩu nêu tại điểm a khoản 8 mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 69/2018/NĐ-CP thì được kiểm tra, chứng nhận theo quy định, trong Giấy chứng nhận có ghi chú: "Chiếc xe này dùng để hoạt động trong phạm vi hẹp và không tham gia giao thông.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

"đ) Xe thuộc Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu nêu tại mục II của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 69/2018/NĐ-CP thì Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện như sau: dừng các thủ tục kiểm tra, chứng nhận chất lượng ATKT & BVMT xe máy chuyên dùng nhập khẩu; lập biên bản ghi nhận về tình trạng Xe vi phạm quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận

vi phạm, Cục Đăng kiểm Việt Nam ra Thông báo vi phạm Nghị định số 69/2018/NĐ-CP theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này gửi tới Người nhập khẩu và Cơ quan hải quan (nơi làm thủ tục nhập khẩu) để giải quyết theo quy định.".

5. Bổ sung khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

"3. Khi thực hiện nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, các thành phần hồ sơ nêu tại khoản 1 Điều này được thay thế bằng tài liệu dạng điện tử.".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, điểm a khoản 5, điểm b khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

"3. Cơ sở thiết kế nhận kết quả thẩm định thiết kế như sau:

a) Trường hợp nhận trực tiếp tại trụ sở Cơ quan QLCL hoặc qua hệ thống bưu chính: 01 Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế; bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và bản vẽ kỹ thuật (01 bản đối với trường hợp cơ sở thiết kế đồng thời là cơ sở sản xuất hoặc 02 bản đối với trường hợp cơ sở thiết kế khác cơ sở sản xuất) của hồ sơ thiết kế;

b) Trường hợp nhận qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: 01 bản điện tử Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế; 01 bản điện tử bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và bản vẽ kỹ thuật của hồ sơ thiết kế.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

"a) Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế bao gồm:

Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: nộp hồ sơ dạng điện tử bao gồm 01 đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XIVa ban hành kèm theo Thông tư này; 01 bộ hồ sơ thiết kế theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư này;

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính: 01 đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XIVa ban hành kèm theo Thông tư này; ngoài nộp 01 bộ hồ sơ thiết kế theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này, cơ sở

thiết kế nộp thêm 01 bản tài liệu (hoặc 02 bản tài liệu nếu cơ sở thiết kế khác cơ sở sản xuất) quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 8 của Thông tư này.".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

"b) Trình tự thực hiện:

Cơ sở thiết kế lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, Cục Đăng kiểm Việt Nam trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp khác và hướng dẫn để Cơ sở thiết kế hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận và tiến hành thẩm định hồ sơ.

Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành thẩm định hồ sơ thiết kế: thực hiện kiểm tra, đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế với các quy định, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng. Trong thời hạn quy định tại điểm c khoản này, nếu hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ thiết kế đầy đủ nhưng có các nội dung chưa đạt yêu cầu thì Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo bằng văn bản hoặc thông báo thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến lý do và nội dung chưa đạt yêu cầu để Cơ sở thiết kế hoàn thiện hồ sơ thiết kế. Cơ sở thiết kế có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ thiết kế và nộp lại trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Trong thời hạn quy định tại điểm c khoản này kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện đầy đủ, Cơ quan QLCL kiểm tra đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế ô tô với các quy định, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng. Trong thời hạn quy định tại điểm c khoản này, nếu hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này; nếu hồ sơ thiết kế không đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và nêu rõ lý do.

Quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, cơ sở thiết kế không hoàn thiện các nội dung chưa phù phù hợp của hồ sơ thiết kế, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc thẩm định hồ sơ thiết kế và thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Để tiếp tục thực hiện việc thẩm định hồ sơ thiết kế ô tô, cơ sở thiết kế phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu;".

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

"b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký chứng nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cục Đăng kiểm Việt Nam trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ được tiếp nhận đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và hướng dẫn để doanh nghiệp hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận hồ sơ để thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ."

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

"c) Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo tới doanh nghiệp để thực hiện đánh giá COP theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện nội dung hồ sơ chưa phù hợp (bao gồm cả việc thực hiện đánh giá COP đối với trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP) và gửi lại cho Cục Đăng kiểm Việt Nam. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện đầy đủ và kết quả đánh giá COP, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy

định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này; nếu có nội dung không phù hợp, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo cho doanh nghiệp về việc không cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do. Trường hợp quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp không hoàn thiện các nội dung chưa phù hợp đã thông báo, Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ dừng việc kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP và thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận. Để tiếp tục thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.".

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

"2. Trình tự, cách thức thực hiện thẩm định thiết kế xe cải tạo:

a) Cơ sở thiết kế lập Hồ sơ thiết kế xe cải tạo và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Chi cục Đăng kiểm.

Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: nộp 01 hồ sơ thiết kế xe cải tạo dạng điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều này;

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính: ngoài nộp 01 bộ Hồ sơ thiết kế xe cải tạo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ sở thiết kế nộp thêm 01 bản tài liệu quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

b) Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ thiết kế xe cải tạo. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Chi cục Đăng kiểm trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ được tiếp nhận đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và hướng dẫn để cơ sở thiết kế hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần, Chi cục Đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ để thực hiện thẩm định nội dung hồ sơ.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi Cơ sở thiết kế nộp đủ hồ sơ thiết kế xe cải tạo: Chi cụ Đăng kiểm thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế xe cải tạo. Nếu Hồ sơ thiết kế xe cải tạo đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo theo mẫu tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá Hồ sơ thiết kế xe cải tạo đạt yêu cầu.

Trường hợp hồ sơ thiết kế ô tô đầy đủ nhưng có các nội dung chưa đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm thông báo bằng văn bản hoặc thông báo thông qua hệ

thống dịch vụ công trực tuyến lý do và nội dung chưa đạt yêu cầu để Cơ sở thiết kế hoàn thiện hồ sơ thiết kế xe cải tạo. Cơ sở thiết kế có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ thiết kế xe cải tạo và nộp lại trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và gửi lại cho Chi cục Đăng kiểm. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thiết kế xe cải tạo đã hoàn thiện đầy đủ, Chi cục Đăng kiểm kiểm tra, đánh giá lại Hồ sơ thiết kế xe cải tạo. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế, nếu hồ sơ thiết kế xe cải tạo đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo theo mẫu tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này; nếu hồ sơ thiết kế xe cải tạo không đạt yêu cầu, Chi cục Đăng kiểm thông báo bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và nêu rõ lý do. Quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, cơ sở thiết kế không hoàn thiện các nội dung chưa phù phù hợp của hồ sơ thiết kế xe cải tạo, Chi cục Đăng kiểm sẽ dừng việc thẩm định hồ sơ thiết kế xe cải tạo và thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo. Để tiếp tục thực hiện việc thẩm định hồ sơ thiết kế xe cải tạo, cơ sở thiết kế phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu;

d) Cơ sở thiết kế nhận kết quả thẩm định thiết kế như sau: Trường hợp nhận trực tiếp tại trụ sở Chi cục Đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính: 01 Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế; 01 bộ tài liệu đã được thẩm định nêu tại điểm c khoản 1 Điều này; Trường hợp nhận qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: 01 bản điện tử Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế; 01 bản điện tử tài liệu nêu tại điểm c khoản 1 Điều này..".

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

"2. Chi cục Đăng kiểm (cơ quan đã thẩm định thiết kế) tiến hành lập Biên bản kiểm tra trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu xe sau cải tạo với Hồ sơ thiết kế xe cải tạo đã được thẩm định và kiểm tra chất lượng ATKT & BVMT theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng; nếu hạng mục nào của xe không đạt yêu cầu thì thông báo để cơ sở cải tạo hoàn thiện lại.".

10. Bổ sung khoản 4 Điều 18 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

"4. Hồ sơ thiết kế xe cải tạo quy định tại Điều 16 của Thông tư này sau khi thẩm định và Biên bản kiểm tra Xe cải tạo được lưu trữ tại Chi cục Đăng kiểm theo quy định kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chất lượng ATKT&BVMT xe cải tạo.".

11. Bổ sung khoản 7-Điều 25 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“7. Đối với công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận chất lượng ATKT&BVMT xe cải tạo, Chi cục Đăng kiểm có trách nhiệm:

a) Tổ chức, thực hiện thẩm định thiết kế xe cải tạo, nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận chất lượng ATKT&BVMT xe cải tạo theo quy định tại Thông tư này.

b) Báo cáo, cung cấp đầy đủ hồ sơ, số liệu phục vụ việc kiểm tra công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận và cải tạo xe khi được yêu cầu.”.

c) Thống nhất in, quản lý các loại phôi Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo và Giấy chứng nhận ATKT &BVMT xe cải tạo.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT như sau:

“2. Đảm bảo giữ nguyên trạng Xe khi nhập khẩu để Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc kiểm tra chất lượng; chuẩn bị phương tiện tại địa điểm kiểm tra (có người vận hành xe, đảm bảo không gian an toàn trong quá trình kiểm tra)”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 8 Điều 27 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

“2. Hồ sơ liên quan đến cải tạo xe phải được lưu trữ ít nhất 02 năm, kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận chất lượng ATKT&BVMT xe cải tạo.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 27 của Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT như sau:

“8. Thực hiện việc triệu hồi đối với xe sản xuất, lắp ráp theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô hoặc thực hiện việc triệu hồi đối với xe nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.”.

14. Thay thế Phụ lục XVII và Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT tương ứng bằng Phụ lục 7 và Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (sau đây viết tắt là Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT), Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (sau đây viết tắt là Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT), Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT) và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi tên Điều 9 như sau:

"**Điều 9. Xử lý kết quả kiểm tra và triệu hồi**".

2. Bổ sung khoản 5 Điều 9 như sau:

"5. Đối với các xe thuộc trường hợp triệu hồi như nêu tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP (Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT) thì thực hiện triệu hồi xe theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT.".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy (sau đây viết tắt là Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT), Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng, Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy và Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện (sau đây viết tắt là Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT) và Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:

"1. Xe mô tô, xe gắn máy là các loại phương tiện giao thông cơ giới hoạt động trên đường bộ được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2015/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:

"2. Nội dung kiểm tra, thử nghiệm:

a) Nội dung kiểm tra, thử nghiệm xe thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2015/BGTVT.

Trong đó:

Miễn kiểm tra thử nghiệm riêng cho linh kiện theo quy định tại mục: 2.4.1; 2.4.2; 2.6.1; 2.6.2; 2.11.2; 2.15.3; 2.16.3; 2.18.1.5; 2.18.2.1; 2.18.2.4.

Việc kiểm tra thử nghiệm khí thải của xe quy định tại mục 2.19.1 được thực hiện khi: Xe không có tài liệu liên quan đến khí thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Thông tư này; Xe có tài liệu liên quan đến khí thải nhưng trong tài liệu không thể hiện đầy đủ các phép thử áp dụng đối với loại xe đó như quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04:2009/BGTVT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới" đối với xe mô tô, xe gắn máy (trừ mô tô hai bánh) hoặc Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 77:2014/BGTVT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 3 đối với xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới"; Xe có kết cấu không đúng với tài liệu liên quan đến khí thải.

Miễn phép thử bay hơi quy định tại QCVN 04:2009/BGTVT hoặc QCVN 77:2014/BGTVT đối với mô tô, xe gắn máy.

b) Nội dung kiểm tra, thử nghiệm động cơ thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 37:2010/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ xe mô tô, xe gắn máy hoặc QCVN 90:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy điện.".

3. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6, khoản 2, điểm b khoản 3, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 6 và bổ sung khoản 4 Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:

"Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận chất lượng nhập khẩu và triệu hồi".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT như sau:

"2. Cơ quan KTCL tiếp nhận và kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra và có kết quả thông báo cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ được tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ đăng ký kiểm tra đầy đủ theo quy định thì Cơ quan KTCL xác nhận vào Bản đăng ký kiểm tra. Trường hợp hồ sơ đăng ký kiểm tra chưa đầy đủ theo quy định thi Cơ quan KTCL trả lại hồ sơ khi có kết quả thông báo cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu và hướng dẫn tổ chức, cá nhân nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện lại.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị kiểm tra, Cơ quan KTCL thống nhất với tổ chức, cá nhân nhập khẩu về thời gian và địa điểm kiểm tra.".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT như sau:

"b) Đối với các xe và động cơ không phù hợp quy định của Thông tư này, Cơ quan KTCL cấp Thông báo không đạt chất lượng nhập khẩu theo mẫu tương ứng tại các Phụ lục Va và Vb kèm theo Thông tư này.".

d) Bổ sung điểm d khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:

"d) Trường hợp các Xe nhập khẩu bị hư hại trong quá trình vận chuyển từ nước ngoài về Việt Nam thì cơ sở nhập khẩu được phép khắc phục các hạng mục như sau: lớp sơn bị trầy xước hoặc ô xi hóa cục bộ nhưng không bị mọt, thủng; gương chiếu hậu nứt, vỡ; hệ thống đèn chiếu sáng, tín hiệu: bị nứt, vỡ; các rơ le điều khiển bị thiếu; ắc quy không hoạt động.".

e) Bổ sung khoản 4 Điều 6 của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT như sau:

"4. Đối với các xe nhập khẩu hoặc động cơ nhập khẩu thuộc trường hợp triệu hồi như nêu tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra

chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP (Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT) thì thực hiện triệu hồi xe theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT."

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

2. Các xe đạp điện nhập khẩu; xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu có thời điểm về đến cảng, cửa khẩu Việt Nam trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện như sau:

a) Xe đạp điện nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT, Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

b) Xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ mô tô, xe gắn máy nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT, Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT và Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT.

3. Hồ sơ thẩm định thiết kế, hồ sơ đăng ký sản phẩm hoặc hồ sơ đăng ký chứng nhận của các kiểu loại xe cơ giới, xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và các linh kiện sử dụng cho xe cơ giới đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện như sau:

a) Xe ô tô sản xuất, lắp ráp thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 116/2017/NĐ-CP) và linh kiện sử dụng cho ô tô thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT;

b) Xe ô tô sản xuất, lắp ráp không thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP, rơ moóc và sơ mi rơ moóc và linh kiện sử dụng cho ô tô thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT, Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

c) Xe mô tô, xe gắn sản xuất, lắp ráp và linh kiện sử dụng cho mô tô, xe gắn máy thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

d) Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ sản xuất, lắp ráp và linh kiện sử dụng cho chở hàng bốn bánh có gắn động cơ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

đ) Xe đạp điện sản xuất, lắp ráp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT , Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

e) Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ sản xuất, lắp ráp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

g) Xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 11;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN&MT(Hiến).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Lê Đình Thọ